

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 9- 2019.

V/v ly hôn giữa anh L và chị Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều;

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn L – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố 03, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương Th – Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 03, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh L, chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/8/2019 cũng như lời khai anh Ngô Văn L tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Bùi Thị Phương Th vào tháng 9/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặt khác giữa chị Th với anh chị ruột anh cũng phát sinh mâu thuẫn với nhau. Đến tháng 6/2019 thì vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Phương Th.

Về con chung anh Ngô Văn L trình bày: Giữa anh và chị Th có một con chung là cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017. Hiện cháu U đang do chị Th chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn do con còn nhỏ nên anh L có nguyện vọng để chị Th nuôi cháu U và anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Ngô Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh L đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại các buổi làm việc với Tòa án bị đơn chị Bùi Thị Phương Th trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Văn L vào tháng 9/2016 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng phát sinh trầm trọng nhất vào thời gian gần đây. Nguyên nhân là do anh L mãi chơi không quan tâm đến vợ con, thiếu sự tôn trọng vợ. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Giữa chị và anh chị ruột anh L cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng chị đã xin lỗi mọi người. Đến tháng 7/2019 thì vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh Ngô Văn L xin ly hôn chị thì chị không nhất trí ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, con còn nhỏ mong anh L suy nghĩ lại về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung chị Bùi Thị Phương Th trình bày: Giữa chị và anh L có một con chung là cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017. Hiện cháu U đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu U và yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung chị Th xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử lý hôn giữa anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th; Về con chung: Giao cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017 cho chị Bùi Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th đều cư trú tại huyện N. Nay anh Ngô Văn L xin ly hôn chị Bùi Thị Phương Th và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Cuộc hôn nhân giữa anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th vào tháng 9/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên giải nhưng không đạt kết quả mà lại phát sinh mâu thuẫn thêm giữa chị Th với gia đình anh L. Đến tháng 07/2019 thì vợ chồng anh L chị Th sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn giữa anh L và chị Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Nay anh L xin được ly hôn với chị Th nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc chị Th không nhất trí ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, con còn nhỏ mong anh L suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa anh L với chị Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th có một con chung là cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017. Hiện cháu U đang chị Th chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh L chị Th đều thống nhất giao cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017 cho chị Bùi Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thấy việc thỏa thuận của anh L và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th đều thống nhất vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Ngô Văn L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa anh Ngô Văn L và chị Bùi Thị Phương Th.

2 - Về con chung: Xử giao cháu Ngô Mỹ U, sinh ngày 10/4/2017 cho chị Bùi Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng là 3.000.000 đồng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 – Về án phí: Anh Ngô Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số anh L phải nộp là 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000747 ngày 13/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh L còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương